

Bản án số: **30/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 20/8/2025

V/v *Tranh chấp ly hôn và nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh**

Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Diễm Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Cúc, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Dương Thanh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 07/02/2025, tại phòng xử án, trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 178/2025/TLST-HNGĐ ngày 20/6/2025, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số: 23/2025/QĐST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thanh N**, ngày sinh: 16/3/1986.

Thẻ Căn cước: 094186004577

Địa chỉ: Số A ấp M, xã N, thành phố Cần Thơ.

(Xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Bùi Chí T**, năm sinh: 1981 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 09401015783

Địa chỉ: số A ấp M, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, nội dung vụ án được xác định như sau:

[1] Bà Nguyễn Thanh N trình bày: Vào năm 2005, bà Nguyễn Thanh N và ông Bùi Chí T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn. Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/11/2012. Quá trình chung sống chúng bà Nguyễn Thanh N có hai con chung là Bùi

Hữu D, ngày sinh 11/10/2005 và Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 20-4-2011, hiện sống với bà Nguyễn Thanh N.

Do vợ chồng không cùng quan điểm nên sống chung thường hay cãi nhau, năm 2023 ông/bà chia tay sống ly thân đến nay. Nhận thấy vợ chồng sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không thể duy trì được nên bà Nguyễn Thanh N xin ly hôn. Nay bà Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với ông Bùi Chí T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thanh N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Thùy L, ngày 20-4-2011 đến khi con đủ 18 tuổi, bà Nguyễn Thanh N không yêu cầu ông Bùi Chí T cấp dưỡng nuôi con; Bùi Hữu D, ngày sinh 11/10/2005 đã trưởng thành, phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không tham gia tố tụng, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến với những nội dung chủ yếu như sau: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Nhận thấy, hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện của hai bên, mặc dù bị đơn không đồng ý nhưng xét thấy mâu thuẫn các bên không thể dung hòa, hàn gắn nên đề nghị HĐXX nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung, HĐXX xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*”. Do bị đơn cư trú tại xã N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 10 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thanh N (nguyên đơn) vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Bùi Chí T (bị đơn) vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do và việc vắng mặt của ông Bùi Chí T cũng không thuộc trường hợp bất khả

kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại Điều 228 và Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh N và ông Bùi Chí T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 28/11/2012 nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thanh N và ông Bùi Chí T có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì mâu thuẫn xảy ra, hôn nhân không còn hạnh phúc, các bên đã không còn chung sống như vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của các bên là không thể hàn gắn, đoàn tụ nên HĐXX cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thanh N.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: 02 con chung tên Bùi Hữu D, ngày sinh 11/10/2005 và Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 20-4-2011, trong đó là Bùi Hữu D đã trên 18 tuổi, còn Bùi Thị Thùy L thì dưới 18 tuổi, hiện nay thì đang sống cùng mẹ là bà Nguyễn Thanh N và nguyện vọng của cháu Bùi Thị Thùy L là được sống cùng với mẹ. Như vậy, khi xét đến điều kiện, hoàn cảnh của con chung (dưới 18 tuổi) thì việc giao con chung là cháu Bùi Thị Thùy L cho bà Nguyễn Thanh N nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế khách quan, đúng theo nguyện vọng của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Bùi Thị Thùy L cho bà Nguyễn Thanh N nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Do các bên không đặt ra hay yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Cháu Bùi Hữu D hiện đã trên 18 tuổi, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần và các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266, Điều 271, 272, 273; Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh N như sau:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh N được ly hôn với ông Bùi Chí T.

Về con chung: Giao con chung Bùi Thị Thùy L, sinh ngày 20-4-2011 cho bà Nguyễn Thanh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; ông Bùi Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con. ông Bùi Chí T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cháu Bùi Hữu D hiện đã trên 18 tuổi, phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần và các bên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Nguyễn Thanh N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002334 ngày 18/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (nay là Thi hành án dân sự thành phố C). Như vậy, bà Nguyễn Thanh N đã nộp đủ án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Long Hưng (mới);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vinh